

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 52

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 35 ngày 1 tháng 12 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	
Bà Trần Thị Thoán	Thành viên	
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên	
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 9 tháng 1 năm 2022 là Ông Phạm Ánh Dương và từ ngày 10 tháng 1 năm 2022 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Nguyễn Lê Trung.

Bà Hòa Thị Thu Hà, Phó Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 1001/2022/UQ ngày 10 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đề ngày 30 tháng 3 năm 2023.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc




Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 0012117920/E-22963848

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 7 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.754.013.522.716	3.140.111.800.563
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.105.171.343.367	1.363.568.545.921
111	1. Tiền		933.921.980.707	952.854.945.921
112	2. Các khoản tương đương tiền		171.249.362.660	410.713.600.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.500.000.000	1.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.500.000.000	1.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		802.487.985.993	1.264.199.536.491
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	765.337.495.087	798.676.331.269
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	6.461.843.017	93.593.632.830
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30	11.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	19.688.647.889	371.929.572.392
140	IV. Hàng tồn kho	9	834.287.059.383	472.098.151.669
141	1. Hàng tồn kho		834.287.059.383	472.098.151.669
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.567.133.973	38.745.566.482
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.466.875.965	16.985.063.270
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.621.458.616	21.760.503.212
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	6.478.799.392	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.719.611.893.006	3.828.457.647.349
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.564.469.081	112.602.224.464
211	1. Phải thu khách hàng dài hạn	6	-	97.326.405.383
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	14.564.469.081	15.275.819.081
220	II. Tài sản cố định		1.295.783.305.396	1.272.184.723.012
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.234.516.181.637	1.208.748.951.676
222	Nguyên giá		2.609.709.836.024	2.413.894.861.176
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.375.193.654.387)	(1.205.145.909.500)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	61.267.123.759	63.435.771.336
228	Nguyên giá		79.162.510.029	78.688.750.029
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.895.386.270)	(15.252.978.693)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		6.323.032.562	223.748.494.435
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	6.323.032.562	223.748.494.435
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	3.367.663.332.791	2.207.093.819.777
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.407.746.671.231	1.762.013.648.436
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		1.161.023.927.841	452.906.343.389
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	17.995.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(201.107.266.281)	(25.821.172.048)
260	V. Tài sản dài hạn khác		35.277.753.176	12.828.385.661
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	32.822.822.458	12.828.385.661
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	2.454.930.718	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.473.625.415.722	6.968.569.447.912

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.441.919.036.549	2.602.911.601.635
310	I. Nợ ngắn hạn		1.665.611.466.863	1.848.167.342.009
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	449.606.957.487	336.952.657.033
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	86.995.754.382	41.338.200.595
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	31.019.494	21.169.387.558
314	4. Phải trả người lao động		31.969.531.498	32.317.692.196
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	7.941.202.602	6.349.535.696
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.871.469.536	3.114.447.860
320	7. Vay ngắn hạn	19	1.072.573.478.696	1.403.105.977.583
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	14.622.053.168	3.819.443.488
330	II. Nợ dài hạn		776.307.569.686	754.744.259.626
338	1. Vay dài hạn	19	776.307.569.686	754.744.259.626
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.031.706.379.173	4.365.657.846.277
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	5.031.706.379.173	4.365.657.846.277
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.822.744.960.000	3.264.344.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.822.744.960.000	3.264.344.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		823.961.323.817	712.606.123.817
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.330.911.673	72.330.911.673
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.612.477.781	11.612.477.781
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		301.056.705.902	304.763.373.006
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		267.215.731.550	117.025.165.725
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		33.840.974.352	187.738.207.281
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.473.625.415.722	6.968.569.447.912

Đỗ Hoài Linh
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	5.454.933.422.063	5.130.176.596.375
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(3.339.196.187)	(1.072.775.739)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	5.451.594.225.876	5.129.103.820.636
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(4.839.338.314.032)	(4.568.904.620.411)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		612.255.911.844	560.199.200.225
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	99.822.565.519	163.635.798.834
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>	25	(320.169.911.729) (108.900.521.871)	(140.174.479.225) (97.208.591.399)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(259.977.057.417)	(297.643.490.756)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(67.172.584.370)	(58.420.421.614)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		64.758.923.847	227.596.607.464
31	11. Thu nhập khác	28	3.522.562.771	3.011.246.415
32	12. Chi phí khác	28	(258.584.573)	(3.080.376.541)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		3.263.978.198	(69.130.126)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		68.022.902.045	227.527.477.338
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(36.636.858.411)	(39.789.270.057)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	2.454.930.718	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		33.840.974.352	187.738.207.281

Đỗ Hoài Linh
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		68.022.902.045	227.527.477.338
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		181.252.072.193	192.216.430.839
03	Các khoản dự phòng		175.286.094.233	22.490.145.005
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.633.337.413)	2.795.085.025
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(44.511.629.650)	(121.741.109.543)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		114.207.720.619	103.279.652.017
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		489.623.822.027	426.567.680.681
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		504.746.590.872	(122.233.581.613)
10	Tăng hàng tồn kho		(362.188.907.714)	(54.859.319.274)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		162.171.257.592	(101.360.814.824)
12	Giảm chi phí trả trước		21.207.012.828	3.604.167.416
14	Tiền lãi vay đã trả		(107.308.854.966)	(97.105.103.448)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(64.254.927.860)	(25.244.722.177)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20	(26.745.031.776)	(33.814.556.892)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		617.250.961.003	(4.446.250.131)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(13.419.910.549)	(49.740.023.496)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4.584.545.454	476.818.182
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(36.000.000.000)	(247.080.690.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		25.000.000.000	644.358.080.561
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.266.655.607.247)	(394.250.113.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		400.000.000	94.080.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		44.672.457.506	72.536.664.120
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(1.241.418.514.836)	120.380.736.367

12-0
 TỶ
 H
 YO
 NAI
 IAN
 NỘI
 1-1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	669.755.200.000	1.067.262.154.488
33	Tiền thu từ đi vay		4.393.365.793.886	4.997.231.349.006
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.695.783.418.686)	(5.285.137.119.091)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(148.350.075.501)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		367.337.575.200	631.006.308.902
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(256.829.978.633)	746.940.795.138
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.363.568.545.921	616.523.339.816
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.567.223.921)	104.410.967
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.105.171.343.367	1.363.568.545.921

Đỗ Hoài Linh
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 35 ngày 1 tháng 12 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”) là công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty. Công ty An Phát Holdings và các công ty con sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.689 (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.750 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 9 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 9 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“HI” hoặc “Công ty An Tiến”)	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.	54,85	54,85	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	92,02	92,02	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
3	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd. (“Công ty An Thành Singapore”) (i)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore.	54,85	100	Kinh doanh hạt nhựa
4	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (“Công ty An Thành”) (i)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	76,66	99,69	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 9 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 9 công ty con) với chi tiết như sau (tiếp theo) :

<i>STT</i>	<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Hoạt động chính</i>
5	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (i)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	54,31	99	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và viễn dương
6	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1")	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	46,93	51	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	99,95	99,95	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
8	An Phat International, Inc.	10701 Corporate Drive, Suite 268, Stafford, Texas 77477, USA.	99,999	99,999	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
9	AFC EcoPlastics, LLC. (i)	PO Box 1831 Austin, Texas 78767, USA.	75	75	Kinh doanh hạt nhựa

(i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát công ty con này gián tiếp thông qua một công ty con khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đề ngày 30 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN
 NHỰA AN PHÁT XANH
 CHỖ ĐÓNG CHỮ
 VÀ CHỮ KÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp giá bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	8 - 25 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 47 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”)

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Các khoản đầu tư góp vốn vào BCC được ghi nhận là khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán riêng. Nếu Công ty kiểm soát BCC, Công ty sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu/chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của Bảng cân đối kế toán riêng. Lợi nhuận sau thuế chia cho bên không kiểm soát sẽ được giảm trừ vào chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của bảng cân đối kế toán riêng.

Nếu Công ty không kiểm soát BCC, Công ty ghi nhận phần lợi nhuận mà Công ty được chia từ BCC vào khoản mục “Doanh thu hoạt động tài chính” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản “Người mua trả tiền trước” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ được trích lập theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các năm tài chính nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất, kinh doanh nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của Công ty giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	864.441.282	882.226.306
Tiền gửi ngân hàng	933.057.539.425	951.972.719.615
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>171.249.362.660</u>	<u>410.713.600.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.105.171.343.367</u>	<u>1.363.568.545.921</u>

(*) Là khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 3 tháng, với lãi suất từ 5,1% - 5,8%/năm với tiền gửi bằng VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3% - 4%/năm) và 0% với tiền gửi bằng USD.

Một số khoản tiền gửi và tài khoản thanh toán của Công ty với tổng giá trị là 70,3 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Công ty cũng có một khoản tiền thanh toán bị phong tỏa với tổng giá trị là 1,5 triệu USD (tương đương với số tiền là 35,1 tỷ VND theo tỷ giá quy đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2022) đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty An Phat International, Inc. (là công ty con của Công ty) với một ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Dự phòng</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-

(*) Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có thời hạn 12 tháng và hưởng lãi suất 4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6,8%/năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải thu từ khách hàng khác	187.778.183.410	288.216.212.275
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	577.559.311.677	510.460.118.994
TỔNG CỘNG	765.337.495.087	798.676.331.269
<i>Dài hạn</i>		
Phải thu dài hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	97.326.405.383
TỔNG CỘNG	-	97.326.405.383

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho các bên khác	1.083.131.231	35.238.890.732
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	5.378.711.786	58.354.742.098
TỔNG CỘNG	6.461.843.017	93.593.632.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	10.399.014.200	-	4.802.921.672	-
Ký quỹ	6.599.562.505	-	10.278.382.886	-
Lãi dự thu	1.687.938.337	-	3.845.569.417	-
Phải thu về góp vốn hợp tác kinh doanh	-	-	210.000.000.000	-
Đặt cọc mua cổ phần	-	-	69.600.000.000	-
Phải thu lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	70.841.309.754	-
Phải thu khác	1.002.132.847	-	2.561.388.663	-
TỔNG CỘNG	19.688.647.889	-	371.929.572.392	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	19.433.111.187	-	86.665.188.907	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	255.536.702	-	285.264.383.485	-
Dài hạn				
Ký quỹ	350.576.081	-	350.576.081	-
Phải thu khác (*)	14.213.893.000	-	14.925.243.000	-
TỔNG CỘNG	14.564.469.081	-	15.275.819.081	-

(*) Chủ yếu là số dư tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa và bao bì số 6 ("Nhà máy số 6") từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 12 năm 2043.

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	108.018.016.756	-	82.128.105.188	-
Nguyên vật liệu	508.719.057.466	-	215.555.051.006	-
Công cụ, dụng cụ	23.221.960.248	-	21.122.378.636	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.114.654.886	-	6.259.366.872	-
Thành phẩm	78.840.194.993	-	108.225.804.443	-
Hàng gửi đi bán	110.373.175.034	-	38.807.445.524	-
TỔNG CỘNG	834.287.059.383	-	472.098.151.669	-

Một số hàng tồn kho của Công ty với giá trị 615,9 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:								
Số đầu năm	557.509.380.983	1.644.333.581.302	165.050.433.547	7.843.412.734	15.501.270.000	23.656.782.610	2.413.894.861.176	
- Mua trong năm	-	6.541.740.209	897.318.182	-	-	-	7.439.058.391	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	199.525.578.416	-	-	-	-	-	199.525.578.416	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(305.374.100)	(10.844.287.859)	-	-	-	(11.149.661.959)	
Số cuối năm	757.034.959.399	1.650.569.947.411	155.103.463.870	7.843.412.734	15.501.270.000	23.656.782.610	2.609.709.836.024	
Trong đó:								
Đã khấu hao hết	14.367.160.841	269.487.149.937	31.799.605.929	1.712.557.787	2.466.500.000	2.539.314.446	322.372.288.940	
Giá trị khấu hao lũy kế:								
Số đầu năm	164.725.018.036	911.670.766.352	101.487.895.747	4.887.701.626	7.297.143.450	15.077.384.289	1.205.145.909.500	
- Khấu hao trong năm	28.601.054.249	131.055.830.755	15.058.952.927	1.012.962.215	831.694.826	2.049.169.644	178.609.664.616	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(255.703.247)	(8.306.216.482)	-	-	-	(8.561.919.729)	
Số cuối năm	193.326.072.285	1.042.470.893.860	108.240.632.192	5.900.663.841	8.128.838.276	17.126.553.933	1.375.193.654.387	
Giá trị còn lại:								
Số đầu năm	392.784.362.947	732.662.814.950	63.562.537.800	2.955.711.108	8.204.126.550	8.579.398.321	1.208.748.951.676	
Số cuối năm	563.708.887.114	608.099.053.551	46.862.831.678	1.942.748.893	7.372.431.724	6.530.228.677	1.234.516.181.637	

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1,235 tỷ VND của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	78.087.072.029	601.678.000	78.688.750.029
- Mua trong năm	-	473.760.000	473.760.000
Số cuối năm	<u>78.087.072.029</u>	<u>1.075.438.000</u>	<u>79.162.510.029</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	14.881.334.914	371.643.779	15.252.978.693
- Hao mòn trong năm	2.532.803.640	109.603.937	2.642.407.577
Số cuối năm	<u>17.414.138.554</u>	<u>481.247.716</u>	<u>17.895.386.270</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>63.205.737.115</u>	<u>230.034.221</u>	<u>63.435.771.336</u>
Số cuối năm	<u>60.672.933.475</u>	<u>594.190.284</u>	<u>61.267.123.759</u>

Toàn bộ quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại là 60,7 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất hạt nhựa và bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn (Nhà máy số 8)	2.293.754.265	223.525.559.416
Công trình phụ trợ của Nhà máy số 1 và Nhà máy số 5	4.029.278.297	-
Mua sắm tài sản cố định	-	222.935.019
TỔNG CỘNG	<u>6.323.032.562</u>	<u>223.748.494.435</u>

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	2.407.746.671.231	(201.107.266.281)	2.206.639.404.950	1.762.013.648.436	(25.821.172.048)	1.736.192.476.388
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	1.161.023.927.841	-	1.161.023.927.841	452.906.343.389	-	452.906.343.389
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.3)	-	-	-	17.995.000.000	-	17.995.000.000
TỔNG CỘNG	3.568.770.599.072	(201.107.266.281)	3.367.663.332.791	2.232.914.991.825	(25.821.172.048)	2.207.093.819.777

13.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm			Số đầu năm			
	Giá trị (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp	Giá trị (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty An Tiến (i)	407.298.831.231	166.883.214.540	54,85	194.826.838.436	397.190.681.650	50,51	50,51
Công ty An Phát Complex	909.600.000.000	(*)	92,02	910.000.000.000	(*)	92,06	92,06
Công ty An Vinh (ii)	461.395.540.000	(*)	99,95	362.751.510.000	(*)	86,46	86,46
An Phat International, Inc. (iii)	455.040.300.000	(*)	99,999	227.235.300.000	(*)	99,998	99,998
Công ty An Thành (iv)	174.412.000.000	(*)	48,69	67.200.000.000	(*)	30,11	99,37
TỔNG CỘNG	2.407.746.671.231			1.762.013.648.436			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Trong năm, Công ty đã mua cổ phần phát hành mới và nhận chuyển nhượng 21.803.779 cổ phần của công ty An Tiến thông qua giao dịch trên sàn chứng khoán. Sau các giao dịch này, tỷ lệ vốn nắm giữ của Công ty tại Công ty An Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 54,85%.
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty An Tiến (mã chứng khoán giao dịch: HII) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 31 tháng 12 năm 2022 trên sàn chứng khoán HOSE.
Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp 36.622.000 cổ phiếu HII, để đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành.
- (ii) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng tổng cộng 13,49% vốn cổ phần tại Công ty An Vinh với tổng giá phí là 98.644.030.000 VND, theo đó, nâng tỷ lệ vốn nắm giữ của Công ty tại Công ty An Vinh lên 99,95%.
- (iii) Trong năm, Công ty đã mua tổng cộng 10.000.000 cổ phần phát hành mới của An Phat International, Inc. với tổng giá phí là 227.805.000.000 VND, theo đó, nâng tỷ lệ vốn nắm giữ tại An Phat International, Inc. lên 99,999%.
- (iv) Trong năm, Công ty đã mua tổng cộng 10.721.200 cổ phần phát hành mới của Công ty An Thành Bicsol với tổng giá phí là 107.212.000.000 VND, theo đó, nâng tỷ lệ vốn nắm giữ tại Công ty An Thành Bicsol lên 48,69%.
- (*) Do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Công ty đang trong quá trình thu thập các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý nên Công ty đang trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ vốn tiếp giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn tiếp giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa loại khuôn mẫu	47,44	47,44	21,37	21,37
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ("Công ty Nhựa Bao bì Vinh")	Khoá 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	34,84	34,84	34,84	34,84
Công ty Cổ phần giải pháp và dịch vụ phân mềm Nam Việt (iv)	BT4 lô E9 Vimexco, đường Phạm Hùng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản phần mềm	49	49	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT")	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	3,24	30,34	-	-
Chi tiết giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:						
Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá trị (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá trị (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	
Công ty Nhựa Hà Nội (i) (ii)	1.014.494.728.614	452.899.933.400	378.589.623.614	311.450.280.000		
Công ty Nhựa Bao bì Vinh (ii)	74.316.719.775	64.026.315.500	74.316.719.775	66.900.966.400		
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phân mềm Nam Việt (iii)	54.392.479.452	(*)	-	(*)		
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (iv)	17.820.000.000	(*)	-	(*)		
TỔNG CỘNG	1.161.023.927.841	516.926.248.900	452.906.343.389	378.351.246.400		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

- (i) Trong năm, Công ty đã mua tổng cộng 26.786.257 cổ phần phát hành mới của công ty Nhựa Hà Nội. Theo đó, tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa Hà Nội đã tăng từ 21,37% lên 47,44%.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp 23.718.000 cổ phiếu NHH để đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành.

- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa Hà Nội và Công ty Nhựa Bao bì Vinh được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 31 tháng 12 năm 2022 trên sàn chứng khoán HOSE.

- (iii) Từ đầu năm đến ngày 5 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc mua tổng cộng 880.000 cổ phiếu, tương đương với 29,33% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này đã tăng từ 19,67% lên 49% và trở thành công ty liên kết của Công ty.

- (iv) Trong năm, Nhóm Công ty đã mua một số cổ phần của Công ty PBAT từ một số đối tác doanh nghiệp với tổng giá phí là 168 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ vốn nắm giữ của Nhóm Công ty tại Công ty PBAT vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 30,34%.

- (*) Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó Công ty không trích lập dự phòng.

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá trị (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	-	-	17.995.000.000	-
TỔNG CỘNG	-	-	17.995.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	868.186.801	15.196.356.148
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.598.689.164	1.788.707.122
TỔNG CỘNG	2.466.875.965	16.985.063.270
Dài hạn		
Tiền thuê đất Nhà máy số 8	19.040.065.960	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.684.444.979	8.494.203.325
Chi phí sửa chữa lớn	888.376.549	4.328.449.010
Chi phí khác	8.209.934.970	5.733.326
TỔNG CỘNG	32.822.822.458	12.828.385.661

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả người bán	389.125.119.879	389.125.119.879	307.513.373.002	307.513.373.002
<i>Ivict (singapore) Pte.Ltd.</i>	107.246.785.800	107.246.785.800	-	-
<i>Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (BSR)</i>	87.193.499.922	87.193.499.922	55.751.618.988	55.751.618.988
<i>SABIC Asia Pacific Pte Ltd</i>	64.197.006.300	64.197.006.300	53.013.961.146	53.013.961.146
<i>Khác</i>	144.113.593.857	144.113.593.857	198.747.792.868	198.747.792.868
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	46.856.071.608	46.856.071.608	29.439.284.031	29.439.284.031
TỔNG CỘNG	449.606.957.487	449.606.957.487	336.952.657.033	336.952.657.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Người mua trả tiền trước khác	52.519.986.275	52.519.986.275	41.220.973.690	41.220.973.690
Trả trước từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	34.475.768.107	34.475.768.107	117.226.905	117.226.905
TỔNG CỘNG	86.995.754.382	86.995.754.382	41.338.200.595	41.338.200.595

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/cán trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.139.270.057	36.636.858.411	(57.776.128.468)	-
Thuế giá trị gia tăng	-	95.938.530.893	(95.938.530.893)	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.117.501	157.596.046	(156.694.053)	31.019.494
Thuế xuất nhập khẩu	-	8.576.377.189	(8.576.377.189)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	789.530.760	(789.530.760)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	280.000	(280.000)	-
Các loại thuế khác	-	39.865.150	(39.865.150)	-
TỔNG CỘNG	21.169.387.558	142.139.038.449	(163.277.406.513)	31.019.494
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã thu trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.478.799.392	-	6.478.799.392
TỔNG CỘNG	-	6.478.799.392	-	6.478.799.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay và trái phiếu phải trả	<u>7.941.202.602</u>	<u>6.349.535.696</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.941.202.602</u>	<u>6.349.535.696</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	698.049.993	1.263.629.290
Kinh phí công đoàn	152.363.100	221.186.565
Đặt cọc	-	620.853.551
Phải trả khác	<u>1.021.056.443</u>	<u>1.008.778.454</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.871.469.536</u>	<u>3.114.447.860</u>

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	1.401.195.977.583	1.401.195.977.583	4.068.550.271.641	(4.562.568.797.925)	907.177.451.299	907.177.451.299		
Vay dài hạn đến hạn trả	1.910.000.000	1.910.000.000	166.386.027.397	(2.900.000.000)	165.396.027.397	165.396.027.397		
TỔNG CỘNG	1.403.105.977.583	1.403.105.977.583	4.234.936.299.038	(4.565.468.797.925)	1.072.573.478.696	1.072.573.478.696		
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng	292.817.971.748	292.817.971.748	339.457.653.296	(320.743.888.688)	311.531.736.356	311.531.736.356		
Trái phiếu phát hành	461.926.287.878	461.926.287.878	2.849.545.452	-	464.775.833.330	464.775.833.330		
TỔNG CỘNG	754.744.259.626	754.744.259.626	342.307.198.748	(320.743.888.688)	776.307.569.686	776.307.569.686		
TỔNG CỘNG	2.157.850.237.209	2.157.850.237.209	4.577.243.497.786	(4.886.212.686.613)	1.848.881.048.382	1.848.881.048.382		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

19.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	531.362.397.027	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 8 tháng. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 26 hàng tháng. Ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 3 năm 2023.	5,5% - 8%
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	375.815.054.272	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 28 hàng tháng hoặc trả vào cuối kỳ. Ngày đáo hạn cuối cùng vào 27 tháng 6 năm 2023.	3,3% - 4,9%
TỔNG CỘNG	907.177.451.299		
<i>Trong đó:</i>			
Vay có tài sản đảm bảo	864.292.778.817		
Vay tín chấp	42.884.672.482		

Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng các khoản mục sau như đã được thuyết minh tại các khoản mục tương ứng:

- ▶ một số chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại;
- ▶ hàng tồn kho tại các nhà máy theo các hợp đồng thế chấp;
- ▶ một số phương tiện vận tải; máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và một số tài sản khác; và
- ▶ một số hợp đồng bảo lãnh bởi bên thứ ba.

19.2 Vay ngân hàng dài hạn

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	476.927.763.753	Gốc vay được trả từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 6 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	7,8% - 12%
TỔNG CỘNG	476.927.763.753		
<i>Trong đó:</i>			
Vay có tài sản đảm bảo	476.927.763.753		
Vay tín chấp	-		
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả	165.396.027.397		
Vay dài hạn	311.531.736.356		

Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng các khoản mục sau như đã được thuyết minh tại các khoản mục tương ứng:

- ▶ hàng tồn kho tại các nhà máy theo các hợp đồng thế chấp;
- ▶ một số phương tiện vận tải; máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc;
- ▶ một số tài sản khác gắn liền với đất; và
- ▶ một số hợp đồng bảo lãnh bởi bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

19.3 Trái phiếu

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	118.666.170.203	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm.	8%	Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng cầm cố cổ phần liên quan. Cụ thể, một số cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”), công ty mẹ của Công ty, đã cầm cố cổ phần đang lưu hành tại Công ty An Phát Holdings; Công ty An Phát Holdings và một số cổ đông khác của Công ty đã cầm cố cổ phần đang lưu hành tại Công ty và Công ty cũng cầm cố cổ phần đang lưu hành tại Công ty An Tiến và Công ty Nhựa Hà Nội cho các bên nhận đảm bảo.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	148.332.712.761			
Ngân hàng Daegu – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	98.888.475.183			
Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	98.888.475.183			
TỔNG CỘNG	<u>464.775.833.330</u>			
<i>Trong đó:</i>				
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả				-
- Trái phiếu phải trả dài hạn	464.775.833.330			

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.819.443.488	2.589.668
Trích quỹ trong năm (*)	37.547.641.456	37.631.410.712
Sử dụng trong năm	<u>(26.745.031.776)</u>	<u>(33.814.556.892)</u>
Số cuối năm	<u>14.622.053.168</u>	<u>3.819.443.488</u>

(*) Trích quỹ trong năm bao gồm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 21.1.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	2.217.599.740.000	692.089.189.329	72.330.911.673	11.612.477.781	303.036.563.437	3.296.668.882.220
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	187.738.207.281	187.738.207.281
- Tăng vốn	750.000.000.000	317.262.154.488	-	-	-	1.067.262.154.488
- Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	296.745.220.000	(296.745.220.000)	-	-	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(148.379.987.000)	(148.379.987.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(37.631.410.712)	(37.631.410.712)
Số cuối năm	3.264.344.960.000	712.606.123.817	72.330.911.673	11.612.477.781	304.763.373.006	4.365.657.846.277
Năm nay						
Số đầu năm	3.264.344.960.000	712.606.123.817	72.330.911.673	11.612.477.781	304.763.373.006	4.365.657.846.277
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	33.840.974.352	33.840.974.352
- Tăng vốn (*)	558.400.000.000	111.355.200.000	-	-	-	669.755.200.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(37.547.641.456)	(37.547.641.456)
Số cuối năm	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	301.056.705.902	5.031.706.379.173

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 100/101/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 1 năm 2022 và Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 110/GCN-UBCK ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Công ty đã phát hành thêm tổng cộng 55.840.000 cổ phiếu với mệnh giá 12.000 VND/cổ phiếu để tăng vốn cổ phần. Theo đó, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty tăng thêm vào ngày 15 tháng 7 năm 2022 là 670 tỷ VND.

(**) Công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 theo Nghị quyết số 200601/2022/NQ-ĐHĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 20 tháng 6 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	3.264.344.960.000	2.217.599.740.000
Tăng vốn trong năm	558.400.000.000	1.046.745.220.000
Số cuối năm	<u>3.822.744.960.000</u>	<u>3.264.344.960.000</u>
Cổ tức đã công bố	-	148.379.987.000

21.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	382.274.496	3.822.744.960.000	326.434.496	3.264.344.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	326.434.496	3.264.344.960.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	382.274.496	3.822.744.960.000	326.434.496	3.264.344.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	326.434.496	3.264.344.960.000
Cổ phiếu đang lưu hành	382.274.496	3.822.744.960.000	326.434.496	3.264.344.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	326.434.496	3.264.344.960.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Đô la Mỹ – USD	13.631.471	10.464.226,50
Đồng Euro – EUR	1.556,75	1.403,11
Bảng Anh – GBP	92,65	101,89

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	5.454.933.422.063	5.130.176.596.375
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	3.775.001.008.970	3.702.758.961.882
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1.663.808.601.387	1.407.417.345.041
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	16.123.811.706	20.000.289.452
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.339.196.187)	(1.072.775.739)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(329.050.130)	(567.480.005)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(3.010.146.057)	(423.432.128)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	(81.863.606)
Doanh thu thuần	5.451.594.225.876	5.129.103.820.636
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	3.637.322.558.275	3.531.671.270.480
<i>Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	1.814.271.667.601	1.597.432.550.156

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	57.307.739.093	42.356.865.699
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.783.372.774	47.550.006.520
Cổ tức được nhận	4.731.453.652	12.197.197.443
Lợi nhuận từ góp vốn hợp tác kinh doanh	-	17.719.409.974
Lãi từ chuyển nhượng vốn cổ phần	-	43.812.319.198
TỔNG CỘNG	99.822.565.519	163.635.798.834

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán thành phẩm	3.142.270.334.149	3.179.290.809.487
Giá vốn bán hàng hóa	1.697.067.979.883	1.389.613.810.924
TỔNG CỘNG	4.839.338.314.032	4.568.904.620.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	108.900.521.871	97.208.591.399
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.676.096.877	14.404.682.203
Chi phí phát hành trái phiếu	5.307.198.748	6.071.060.618
Dự phòng đầu tư tài chính	175.286.094.233	22.490.145.005
TỔNG CỘNG	320.169.911.729	140.174.479.225

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.673.979.156	279.915.107.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.427.604.126	11.946.091.621
Chi phí nhân viên bán hàng	5.602.947.656	4.585.012.726
Chi phí khác	2.272.526.479	1.197.278.905
TỔNG CỘNG	259.977.057.417	297.643.490.756
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	22.248.894.269	20.188.938.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.882.240.130	15.797.001.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.102.498.364	15.069.056.856
Chi phí nguyên vật liệu	562.055.210	696.676.881
Chi phí khác	9.376.896.397	6.668.748.556
TỔNG CỘNG	67.172.584.370	58.420.421.614

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.616.697.210.606	2.578.355.214.658
Chi phí nhân công	259.398.328.267	271.450.897.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.252.072.193	192.216.430.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.465.159.245	493.197.422.911
Chi phí khác	11.642.613.699	7.857.779.910
TỔNG CỘNG	3.510.455.384.010	3.543.077.745.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	3.522.562.771	3.011.246.415
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.996.803.224	462.176.408
Thu nhập khác	1.525.759.547	2.549.070.007
Chi phí khác	258.584.573	3.080.376.541
Ứng hộ Covid	-	3.000.000.000
Chi phí khác	258.584.573	80.376.541
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	3.263.978.198	(69.130.126)

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế trừ những trường hợp sau:

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.636.858.411	39.789.270.057
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2.454.930.718)	-
TỔNG CỘNG	34.181.927.693	39.789.270.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.022.902.045	227.527.477.338
Thu nhập chịu mức thuế suất 20%	68.022.902.045	143.712.299.413
Thu nhập chịu mức thuế suất ưu đãi 10%	-	53.898.570.508
Thu nhập không chịu thuế	-	29.916.607.417
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty	13.604.580.409	34.132.316.934
<i>Trong đó:</i>		
Thuế suất thuế TNDN 20%	13.604.580.409	28.742.459.883
Thuế suất thuế TNDN 10%	-	5.389.857.051
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí dự phòng không được trừ	20.726.461.599	5.164.234.410
Cổ tức được nhận	(946.290.731)	
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	-	51.364.586
Các khoản điều chỉnh khác	797.176.416	441.354.127
Chi phí thuế TNDN	34.181.927.693	39.789.270.057

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	1.258.758.702	-	(1.258.758.702)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	1.196.172.016	-	(1.196.172.016)	-
	2.454.930.718	-		
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng			(2.454.930.718)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch phát sinh trong năm nay và năm trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ
Công ty An Thành	Công ty con
Công ty An Thành Singapore	Công ty con
Công ty An Vinh	Công ty con
An Phat International, Inc.	Công ty con
Công ty An Tiến	Công ty con
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con
Công ty An Tín	Công ty con
Công ty An Phát Complex	Công ty con
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty PBAT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise")	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần ANBIO	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết của công ty con (Kể từ tháng 11 năm 2022)
Công ty cổ phần giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết từ tháng 12 năm 2022
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)/Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)/Tổng Giám đốc
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Thoán	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)/Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các khoản bảo lãnh, đảm bảo như trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 31, những giao dịch trọng yếu khác của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Nhận vốn góp	489.600.000.000	-
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	370.134.030.000	57.569.388.977
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.170.278.127	76.190.872.254
		Mua hàng hóa dịch vụ	8.714.890.758	34.998.800
Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.120.628.869.002	718.089.672.508
		Mua hàng hóa dịch vụ	365.245.395.870	140.999.918.941
		Góp vốn	107.212.000.000	-
		Lãi phải trả	3.632.388.359	166.299.666
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.304.331.319	273.790.008.938
		Mua hàng hóa dịch vụ	290.422.877.790	25.217.079.175
		Doanh thu tài chính	3.952.014.564	-
Công ty An Vinh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.532.923.615	135.696.993.686
Công ty An Tiến	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.235.126.388	28.657.798.540
		Mua hàng hóa dịch vụ	77.769.471.355	32.227.434.220
		Góp vốn	186.037.790.000	-
An Phat International, Inc.	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.888.821.110	151.471.805.518
		Góp vốn	227.805.000.000	227.235.300.000
Công ty An Tín	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.294.243.442	1.009.270.454
		Mua hàng hóa dịch vụ	219.215.974.511	247.809.862.648
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	425.328.283	579.830.174
		Lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	17.719.409.974
		Hoàn trả lãi hợp tác kinh doanh	73.414.344.822	-
		Thu tiền gốc BCC	210.000.000.000	-
		Cho vay	31.000.000.000	-
		Thu tiền về cho vay	20.000.000.000	79.660.000.000
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.836.779.316	28.181.826.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các khoản bảo lãnh, đảm bảo như trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 31, những giao dịch trọng yếu khác của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.670.293.760	7.430.624.000
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	238.426.719.344	153.993.677.591
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Góp vốn	274.293.855.000	-
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.854.094.740	7.927.270.634
		Mua hàng hóa dịch vụ	84.451.210.927	58.917.046.100
Công ty cổ phần ANBIO	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.135.253.583	13.817.087.255
		Mua hàng hóa dịch vụ	3.990.003.217	3.549.196.072
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Thu tiền cổ tức	4.703.974.200	744.236.640
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	88.952.727
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết của công ty con (Kể từ tháng 11 năm 2022)	Mua hàng hóa dịch vụ	4.172.130.652	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ khoản phải thu về cho vay và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty An Thành	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ cho thuê xe và cho thuê kho	402.574.067.084	193.600.852.989
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê xe	117.425.383.022	64.453.721
An Phát International, Inc.	Công ty con	Bán hàng hóa	26.207.500.618	82.432.622.221
Công ty An Vinh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê xe	13.562.933.790	3.799.482.054
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng hóa	8.184.885.120	4.998.912.000
Công ty cổ phần ANBIO	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng hóa và cho thuê kho	4.521.708.348	-
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Bán hàng hóa	2.166.946.650	222.798.246.095
Bên liên quan khác			2.915.887.045	2.765.549.914
			577.559.311.677	510.460.118.994
Phải thu dài hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	97.326.405.383
			-	97.326.405.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>					
Công ty cổ phần ANBIO	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	3.228.690.598	-	
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	2.150.021.188	2.255.241.688	
Công ty An Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	-	32.736.252.510	
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Mua hàng hóa	-	23.363.247.900	
			5.378.711.786	58.354.742.098	
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (mã số 135)</i>					
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	11.000.000.000	-	
			11.000.000.000	-	
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>					
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Phải thu vốn góp từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	210.000.000.000	
		Phải thu lợi nhuận được chia từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	70.841.309.754	
		Lãi phải thu	23.630.137	2.573.035.068	
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đã miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	71.101.986	1.441.482.950	
Bên liên quan khác			160.804.579	408.555.713	
			255.536.702	285.264.383.485	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</i>					
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	23.490.677.650	210.662.980	
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Mua hàng hóa	18.158.433.300	-	
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ vận tải	3.935.145.162	27.635.669.965	
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết của công ty con (Kể từ tháng 11 năm 2022)	Mua hàng hóa	1.186.368.360	-	
Công ty An Tiến	Công ty con	Mua hàng hóa	-	1.592.951.086	
Bên liên quan khác			85.447.136	-	
			46.856.071.608	29.439.284.031	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)</i>					
Công ty An Tiến	Công ty con	Bán hàng hóa	34.361.417.982	117.226.905	
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Bán hàng hóa	114.350.125	-	
			34.475.768.107	117.226.905	
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</i>					
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	591.374.919	1.263.629.290	
Công ty An Thành	Công ty con	Mua dịch vụ	106.675.074	-	
			698.049.993	1.263.629.290	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và thủ lao Ban Kiểm soát trong năm:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)/Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	150.000.000	60.000.000
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	90.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)/Tổng Giám đốc	684.719.153	713.023.423
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT	120.000.000	110.000.000
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	674.675.838	580.678.317
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	60.000.000	-
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)/Phó Tổng Giám đốc	503.696.058	529.698.961
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc	110.646.769	428.524.786
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	470.615.498	417.174.539
Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	120.000.000	120.000.000
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021)	-	60.000.000
TỔNG CỘNG		3.248.353.316	3.463.100.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	698.890.632	1.410.240.632
Từ 1 – 5 năm	2.795.562.528	5.640.962.528
Trên 5 năm	72.949.585.726	51.145.225.228
TỔNG CỘNG	<u>76.444.038.886</u>	<u>58.196.428.388</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	12.570.105.456	9.291.633.864
Từ 1 – 5 năm	7.671.270.914	15.714.740.000
TỔNG CỘNG	<u>20.241.376.370</u>	<u>25.006.373.864</u>

Cam kết khác

Công ty và Công ty An Cường đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm văn sàn với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Các khoản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản với các ngân hàng thương mại

Công ty cũng ký Thư bảo lãnh với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần An Tiến Industries. Theo đó, Công ty cam kết về việc thanh toán toàn bộ tất cả các nghĩa vụ trực tiếp và các nghĩa vụ ngoài dự kiến mà công ty An Tiến Industries đang nợ nhưng không có khả năng thanh toán khi đến hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Tổng cam kết theo thư bảo lãnh giới hạn ở mức 81.500.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 3001/2023/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 1 năm 2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc mua thêm 5.300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT"), tương ứng 17,91% tỷ lệ sở hữu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings. Giao dịch này đã được hoàn thành vào ngày 23 ngày 2 ngày 2023. Số lượng cổ phần PBAT mà công ty sở hữu sau khi thực hiện giao dịch này là 6.260.000 cổ phiếu, chiếm 21,15% vốn điều lệ của PBAT.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Đỗ Hoài Linh
Người lập

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng

